TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 525/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 23/7/2019.
V/v Ly hôn giữa bà L, ông T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bé Bảy

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Bích Thuận

2. Bà Vũ Thị Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Đức- Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Dịu Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 96/2019/TLST-HNGĐ ngày 21/02/2019, về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 189/2019/QĐSTXX-HNGĐ ngày 28/5/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số giữa:

1. ***Nguyên đơn:*** Bà Trương Thị Cẩm L, sinh năm 1988

Địa chỉ: Số A ấp L, xã N, huyện M, tỉnh Đồng Nai

Đương sự có mặt

2. ***Bị đơn***: Ông Đinh Hoàng T, sinh năm 1978

Địa chỉ: Số B đường T, Phường M, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh

(Đương sự vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trương Thị Cẩm L trình bày: Bà L và ông Đinh Hoàng T chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn năm 2015 tại Ủy ban nhân dân Phường M, Quận S, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 128 ngày 18/9/2015.

Sau một thời gian chung sống vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, luôn bất đồng ý kiến, không còn tin tưởng lẫn nhau. Cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, mặt khác mâu thuẫn giữa gia đình bà L và ông T không thể hàn gắn. Nhiều lần cố gắn hòa giải nhưng không thể hòa thuận. Nay bà L xã định tình cảm

không còn và không thể hàn gắn được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Đinh Hoàng T.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Đinh Trương Bảo Th, sinh ngày 15/9/2016, bà L xin được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con

- Về tài sản chung: Bà L và ông T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Trương Thị Cẩm L tự khai không có.

Ông Đinh Hoàng T thống nhất và xác nhận lời khai về thời gian chung sống và đăng ký kết hôn như lời trình bày của Bà Trương Thị Cẩm L.

Vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không phù hợp, luôn bất đồng ý kiến. Do bản thân không làm ra tiền nên bà L đã về nhà cha mẹ ruột ở từ tháng 12/2018 đến nay. Ban đầu chỉ là những mâu thuẫn nhỏ không đáng kể nhưng do không giải quyết được triệt để nên vợ chồng bắt đầu bất mãn lẫn nhau dẫn đến không thể hàn gắn. Cả hai thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn nhiều thứ. Nay bà L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, Ông Đinh Hoàng T có ý kiến như sau:

- Về quan hệ vợ chồng: Ông Đinh Hoàng T không đồng ý ly hôn vì còn thương yêu vợ.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Đinh Trương Bảo Th, sinh ngày 15/9/2016, nếu trong trường hợp ly hôn, ông T đồng ý giao con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung: Ông T và nà Loan tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: ông T tự khai không có

Tại phiên tòa hôm nay: Bị đơn ông Đinh Hoàng T vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: kể từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung, xét thấy các bên đã mâu thuẫn trầm trọng dẫn đến việc sống ly thân, các bên không còn tình cảm với nhau, không muốn tiếp tục chung sống nên căn cứ theo Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Về con chung: Bà L và ông T cùng thỏa thuận giao trẻ tên Đinh Trương Bảo Thy, sinh ngày 15/9/2016 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chô ông T, do bà L chưa có yêu cầu. Về tài sản chung, các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung, các đương sự xác định không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về tố tụng: Vụ án thuộc trường hợp ly hôn theo yêu cầu của một bên theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Bị đơn có nơi cư trú tại Quận 6 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 6 theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Đinh Hoàng T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các giấy triệu tập, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ theo Giấy chứng nhận kết hôn số 128, quyển số 01/2015 do Ủy ban nhân dân Phường M, Quận 6, cấp ngày 18/9/2015, cùng lời khai của bà L và ông T về việc các đương sự tự nguyện kết hôn với nhau, nên đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa bà L và ông T là hôn nhân hợp pháp.

Về yêu cầu khởi kiện: Bà L khởi kiện yêu cầu xin ly hôn ông Đinh Hoàng T, ông T và bà L kết hôn năm 2015 và đã sống ly thân từ đầu tháng 12 năm 2018 đến nay. Cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cải vả, tình cảm không hòa hợp, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Mặt khác, mâu thuẫn giữa gia đình bà L và ông T ngày càng sâu sắc hơn.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần để ông T và bà L đoàn tụ gia đình cùng nhau nuôi dạy con chung, nhưng qua nhiều lần hòa giải, giữa ông T và bà L vẫn không thể hàn gắn được, ông T cũng rất nhiều lần thuyết phục bà L quay về nhưng vẫn không có kết quả. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên việc chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Có 01 con chung tên Đinh Trương Bảo Th, sinh ngày 15/9/2016, ông T và bà L cùng thỏa thuận giao cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con do hai bên tự thỏa thuận. Xét, sự thỏa thuận này phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về tài sản chung: Bà L và ông T tự thỏa thuận. Về nợ chung: không nợ ai vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí: Bà L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Luật phí và lệ phí.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Trương Thị Cẩm L

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị Cẩm L được ly hôn với ông Đinh Hoàng T

- Về con chung: Có 01 con chung tên Đinh Trương Bảo Th, sinh ngày 15/9/2016, ông T và bà L cùng thỏa thuận giao cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con do hai bên tự thỏa thuận nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của trẻ theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Về tài sản chung: Ông T và bà L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Vê nợ chung: Ông T và bà L tự khai không có nợ ai.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà L phải chịu là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0010841 ngày 21/02/2019 của Chi Cục Thi hành án dân sự Quận 6. Bà L đã nộp đủ án phí.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông T vắng mặt thì thời hạn kháng cáo 15 ngày được tính từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Quận 6;
- Chi cục THADS Quận 6;
- UBND Quận M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Bé Bảy